

Cập nhật ngành Ngân hàng:

Lợi nhuận tăng trưởng tích cực, nhưng chất lượng tài sản vẫn cần được theo dõi

Ngành ngân hàng tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng mạnh trong Q2/2026, khi các ngân hàng trong phạm vi nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận tổng lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 95,7 nghìn tỷ đồng, tăng 27,6% svck và 20,3% so với quý trước. Nhóm Ngân hàng Thương mại Nhà nước (NHTMNN) dẫn đầu đà tăng, đáng chú ý là VCB với mức tăng 58% svck và 48% so với quý trước, theo sau là CTG (+22% svck) và BID (+20% svck) cũng ghi nhận kết quả tích cực. Trong nhóm Ngân hàng Thương mại Cổ phần (NHTMCP), đặc biệt là các ngân hàng có nhiều dư địa tăng trưởng tín dụng như VPB (+76% svck), HDB (+51% svck) và MBB (+41% svck) đều ghi nhận mức lợi nhuận vượt trội so với mặt bằng chung của ngành. STB là trường hợp kém khả quan nhất khi lợi nhuận giảm 44% svck.

06/08/2026

Nguyễn Thu Hà
Giám đốc phân tích
hant4@ssi.com.vn

Trương Minh Phương Duy
Chuyên viên cao cấp
duytmp@ssi.com.vn

Nhìn chung, kết quả vượt kỳ vọng chủ yếu đến từ **VCB, CTG và BID**, nhờ thu nhập lãi thuần tích cực, thu nhập ngoài lãi cải thiện và chi phí tín dụng giảm. Trong khi đó, **STB** và **MSB** ghi nhận kết quả thấp hơn dự kiến. Lũy kế 6T2026, các ngân hàng trong phạm vi theo dõi của chúng tôi đã hoàn thành khoảng 49,4% dự báo lợi nhuận trước thuế cả năm, phù hợp với kỳ vọng.

Một số điểm nhấn chính:

- **Tăng trưởng tín dụng duy trì tích cực nhưng có sự phân hóa.** Tổng dư nợ tín dụng toàn ngành tăng 5,3% so với quý trước, đưa mức tăng trưởng tín dụng tính từ đầu năm lên 9,1%, giữ vững đà tăng mạnh trong Q1/2026. Tăng trưởng chủ yếu tập trung ở nhóm NHTMCP, với **VPB, HDB và TCB** ghi nhận tăng trưởng tín dụng đạt **11-12%** so với quý trước, trong khi **MBB** tăng **9,6%** so với quý trước. Ngược lại, nhóm NHTMNN tăng trưởng thận trọng hơn, với CTG và BID chỉ tăng khoảng 3% so với quý trước trong khi dư nợ cho vay của VCB gần như đi ngang (+0,2% so với quý trước) do các ngân hàng chủ động dành hạn mức cho vay cho các dự án hạ tầng quốc gia có quy mô lớn, dự kiến được đẩy mạnh trong nửa cuối năm 2026.
- **Tăng trưởng huy động vốn phục hồi nhưng thanh khoản vẫn cần thời gian để cải thiện.** Tổng tiền gửi tăng 5,3% so với quý trước, tương đương tốc độ tăng trưởng tín dụng, sau khi chỉ tăng 1,5% trong Q1/2026. Dù có cải thiện, tỷ lệ dư nợ cho vay trên tiền gửi (LDR) toàn ngành vẫn ở mức cao 102,4%, phản ánh áp lực huy động vốn vẫn hiện hữu. Nhiều ngân hàng tiếp tục đa dạng hóa nguồn vốn trung và dài hạn thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi và vay vốn quốc tế, bao gồm **VPBank (1,44 tỷ USD), HDBank (720 triệu USD)** và **ACB (500 triệu USD)**. Tuy nhiên, chi phí huy động dự kiến duy trì ở mức cao trong các quý tới.
- **Chất lượng tài sản tiếp tục suy yếu.** Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,97% từ 1,88% trong Q1/2026, trong khi tỷ lệ nợ Nhóm 2 tăng lên **1,45%** từ 1,30%, cho thấy áp lực chất lượng tài sản gia tăng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống **82,9%** từ 86,0%, dù chi phí dự phòng tăng 22,6% svck, cho thấy bộ đệm dự phòng đang dần thu hẹp để đạt mức tăng trưởng lợi nhuận tích cực.
- **Biên lãi ròng (NIM) phục hồi.** NIM toàn ngành tăng lên **3,22%** từ 3,04% trong Q1/2026 (+18 điểm cơ bản so với quý trước, +4 điểm cơ bản svck), nhờ lãi suất cho vay tăng, tỷ trọng cho vay trung và dài hạn tăng, và tỷ lệ LDR vẫn còn neo cao. Tuy nhiên, tính bền vững của đà phục hồi vẫn còn là một dấu hỏi khi chi phí vốn tiếp tục được điều chỉnh tăng.
- **Thu nhập ngoài lãi cải thiện đáng kể.** Thu nhập từ phí tăng mạnh **54,3% svck** hay 27,9% so với quý trước, trong khi tổng thu nhập ngoài lãi tăng 17,7% svck và 33,2% so với quý trước, phản ánh các mảng dịch vụ phục hồi và dần trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận.

- **Hiệu quả hoạt động tiếp tục cải thiện.** Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) toàn ngành giảm xuống **28,2%**, từ 29,4% trong Q1/2026 và 32,6% trong Q4/2025, do tăng trưởng chi phí hoạt động (+10,2% svck) thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng tổng thu nhập hoạt động (+21,2% svck).

Quan điểm của chúng tôi

Ngành ngân hàng tiếp tục ghi nhận kết quả tốt hơn kỳ vọng, được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng tích cực, NIM phục hồi và thu nhập từ phí cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn giữ quan điểm thận trọng đối với ngành khi những dấu hiệu về chất lượng tài sản suy giảm ngày càng trở nên rõ nét đằng sau bức tranh lợi nhuận khả quan. Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành lên mức cao kỷ lục trong Q2 kể từ năm 2020, xu hướng suy giảm chất lượng tài sản lan rộng trên các ngân hàng và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục giảm. Bên cạnh đó, đà phục hồi NIM sẽ cần được theo dõi trong nửa cuối năm 2026 khi chi phí vốn điều chỉnh tăng mạnh hơn. Mặc dù điều kiện thanh khoản cải thiện trong quý, nhu cầu về nguồn vốn trung và dài hạn dự kiến vẫn ở mức cao, do bước vào giai đoạn đầu tư tiếp theo của các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia và khoảng cách tốc độ tăng trưởng tín dụng và huy động. Nhìn chung, chúng tôi vẫn kỳ vọng lợi nhuận ngành ngân hàng sẽ tăng trưởng tích cực trong nửa cuối năm 2026, nhưng mức độ phân hóa giữa các ngân hàng sẽ rõ hơn, tùy thuộc vào sức mạnh nguồn vốn, chất lượng tài sản và khả năng trích lập dự phòng của từng ngân hàng.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu tài chính chính

NH	PBT			YTD change		Tỷ lệ nợ xấu	Nhóm 2	So với quý trước		LLR	NIM	So với quý trước (bps)			CASA	ROE	CIR
	Nghìn tỷ đồng	% svck	% QoQ	Tín dụng	Tiền gửi			Nợ xấu	Nhóm 2			NIM	CoF	IEA			
NHTMNN	42,5	33,8%	34,8%	5,2%	4,1%	1,28%	0,86%	0,09%	-0,08%	149%	2,6%	16	47	60	26%	22%	29%
BID	10,3	20%	21%	6%	5%	1,83%	1,22%	0,07%	-0,11%	76%	2,1%	22	54	72	21%	18%	32%
CTG	14,7	22%	32%	5%	3%	1,20%	0,93%	0,18%	-0,13%	134%	2,9%	13	47	61	23%	25%	24%
VCB	17,4	58%	48%	5%	4%	0,61%	0,25%	-0,01%	0,02%	279%	3,0%	11	39	46	34%	24%	32%
NHTMCP	53,2	23,0%	10,8%	13,2%	9,8%	2,64%	2,04%	0,04%	0,37%	65%	3,8%	19	71	86	20%	19%	27%
ACB	5,4	-12%	0%	9%	8%	1,03%	0,65%	0,06%	-0,06%	105%	3,1%	26	80	99	21%	18%	30%
STB	2	-44%	-4%	2%	5%	7,54%	2,65%	0,92%	1,70%	57%	3,1%	18	65	85	17%	9%	28%
MBB	10,6	41%	10%	13%	8%	1,45%	0,98%	0,03%	-0,08%	94%	4,2%	35	70	97	35%	24%	28%
TCB	9,7	22%	9%	15%	5%	1,08%	0,67%	-0,01%	-0,02%	126%	3,7%	29	63	80	35%	17%	31%
VPB	11	76%	38%	23%	23%	3,28%	3,17%	-0,30%	0,06%	56%	5,2%	-13	78	60	13%	21%	20%
MSB	1,5	-1%	-19%	11%	4%	2,53%	1,26%	-0,13%	-0,01%	52%	3,0%	-29	62	34	23%	11%	39%
OCB	1,3	25%	2%	11%	6%	3,64%	2,36%	-0,05%	0,44%	57%	3,1%	4	42	44	11%	12%	33%
HDB	7,1	51%	16%	20%	21%	2,79%	4,70%	0,19%	2,12%	50%	4,2%	37	80	120	11%	28%	24%
TPB	2,4	17%	13%	10%	1%	1,86%	1,89%	0,01%	-0,57%	67%	3,0%	6	80	88	21%	19%	39%
VIB	2,4	-8%	-15%	4%	8%	2,93%	2,56%	-0,01%	0,02%	44%	3,2%	18	57	74	12%	16%	32%
Tổng	95,7	27,6%	20,3%	9,1%	6,8%	1,97%	1,45%	0,08%	0,16%	83%	3,2%	18	59	74	24%	20%	28%

Nguồn: SSI Research

Các ngân hàng quay trở lại phân khúc cho vay cốt lõi, đồng thời tăng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Sau những nỗ lực đa dạng hóa danh mục cho vay trong Q1/2026, phần lớn ngân hàng đã quay trở lại các lĩnh vực được cho là thể mạnh của mình trong Q2/2026. Cụ thể, những ngân hàng có nhiều dư địa tăng trưởng tín dụng như MBB, VPB, HDB, TCB, TPB và VIB chủ yếu đẩy mạnh giải ngân cho vay chủ đầu tư bất động sản (+22% so với quý trước), thương mại và bán buôn, bán lẻ và sửa chữa ô tô, xe máy (+6% so với quý trước) và dịch vụ tài chính (chủ yếu là công ty chứng khoán, +20% so với quý trước). Trong khi đó, nhóm NHTMNN và ACB tập trung cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn và hộ kinh doanh.

Cho vay mua nhà chứng lại trên toàn ngành, kể cả những ngân hàng có hạn mức tín dụng dồi dào như VPB (+2,4% so với quý trước), HDB (đi ngang so với quý trước) và TCB (-1,4% so với quý trước). Xu hướng này tương đối dễ hiểu khi lãi suất vay mua nhà đã tăng mạnh, với lãi suất thả nổi hiện phổ biến ở mức 12-14%, trong khi nguồn cung nhà ở giá thấp vẫn hạn chế. Tín dụng mảng xây dựng tiếp tục tăng trưởng ổn định tại nhiều ngân hàng, dù đã có dấu hiệu chậm lại tại các ngân hàng cho vay lớn như MBB, VPB và TCB. Trong khi đó, dịch vụ tài chính vẫn là một trong những lĩnh vực được đẩy mạnh cấp tín dụng, với ít nhất 42,6 nghìn tỷ đồng tín dụng mới được giải ngân trong Q2/2026 (+20% so với quý trước; +27% tính từ đầu năm).

Trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức cao, các ngân hàng ngày càng dịch chuyển cơ cấu cho vay sang các khoản vay trung và dài hạn thay vì tập trung vào cho vay ngắn hạn. Trong phạm vi theo dõi của chúng tôi, dư nợ trung và dài hạn tăng 6,0% so với quý trước, cao hơn đáng kể so với dư nợ trong ngắn hạn tăng 3,8% so với quý trước. BID duy trì các kỳ hạn cho danh mục cho vay tương đối cân bằng, trong khi CTG và MSB tiếp tục ưu tiên cho vay ngắn hạn. Theo quan điểm của chúng tôi, sự thay đổi trong cơ cấu kỳ hạn cho vay là một trong những động lực thúc đẩy NIM mở rộng trong Q2/2026.

Chất lượng tài sản có sự phân hóa giữa các ngân hàng, trong khi những dấu hiệu suy yếu dần xuất hiện. Nợ xấu toàn ngành tăng 21,4% tính từ đầu năm (+9,5% so với quý trước). Mức tăng chủ yếu tập trung tại CTG (+21,8% so với quý trước), STB (+15,6% so với quý trước), HDB (+17,6% so với quý trước) và BID (+7,2% so với trước), trong khi phần lớn các ngân hàng khác tương đối ổn định. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu toàn ngành tăng lên 1,97% trong Q2/2026 (so với 1,88% trong Q1/2026) - là mức tăng cao nhất của quý 2 kể từ năm 2020. Nợ Nhóm 2 cũng tăng đáng kể 31,6% tính từ đầu năm (+17,5% so với quý trước), dẫn đầu bởi STB (gấp 2,8 lần so với quý trước), HDB (gấp 2,0 lần so với quý trước) và VPB (+13,7% lần so với quý trước). Nhìn chung, chất lượng tài sản có sự phân hóa giữa các ngân hàng, trong đó áp lực chủ yếu tập trung tại STB và HDB. Tương tự với chi phí dự phòng, trong khi các NHTMNN giảm trích lập dự phòng 26% so với quý trước, thì nhóm NHTMCP lại tăng mạnh 33% so với quý trước, chủ yếu đến từ STB (+152% so với quý trước), HDB (+104% so với quý trước), OCB (+85% so với quý trước) và ACB (+55% so với quý trước). Theo đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục giảm xuống 83% trong Q2/2026, từ 86% trong Q1/2026 và 95% trong Q2/2025. Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng đối với chất lượng tài sản của ngành trong nửa cuối năm 2026. Với mặt bằng lãi suất cho vay vẫn ở mức cao 12-15%, đặc biệt ở phân khúc vay mua nhà, và khả năng vỡ nợ chéo giữa các tổ chức tín dụng thông qua dữ liệu CIC trong những quý tới.

NIM phục hồi vượt kỳ vọng Tính đến Q2/2026, NIM tăng 18 điểm cơ bản so với quý trước (+4 điểm cơ bản svck) lên 3,22%, trong đó nhóm NHTMNN tăng 16 điểm cơ bản so với quý trước, trong khi nhóm NHTMCP tăng 19 điểm cơ bản so với quý trước. MSB và VPB là hai ngân hàng đi ngược xu hướng này khi ghi nhận NIM lần lượt giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước và 13 điểm cơ bản so với quý trước. Chúng tôi cho rằng NIM phục hồi chủ yếu nhờ:

- *Cơ chế định giá tốt hơn:* Các ngân hàng phần lớn đã chuyển phần tăng từ chi phí huy động sang lãi suất cho vay, giúp lợi suất tài sản tăng nhanh hơn chi phí vốn trong ngắn hạn. Ngoài ra, lợi suất tài sản còn được hỗ trợ bởi việc tái định giá các khoản vay mua nhà hiện hữu, với lãi suất thả nổi phổ biến ở mức 12-15%, trong khi chi phí vốn chưa phản ánh đầy đủ đợt tăng mạnh của lãi suất huy động gần đây. Do đó, lợi suất tài sản tăng 74 điểm cơ bản so với quý trước, cao hơn mức tăng 59 điểm cơ bản so với quý trước của chi phí vốn.
- *Cơ cấu tín dụng dịch chuyển sang các khoản cho vay với kỳ hạn dài hơn:* Các ngân hàng ưu tiên tăng trưởng cho vay trung và dài hạn thay vì cho vay ngắn hạn. Trong 13 ngân hàng thuộc phạm vi theo dõi, dư nợ trung và dài hạn tăng 6,0% so với quý trước, trong khi dư nợ ngắn hạn chỉ tăng 3,8% so với quý trước

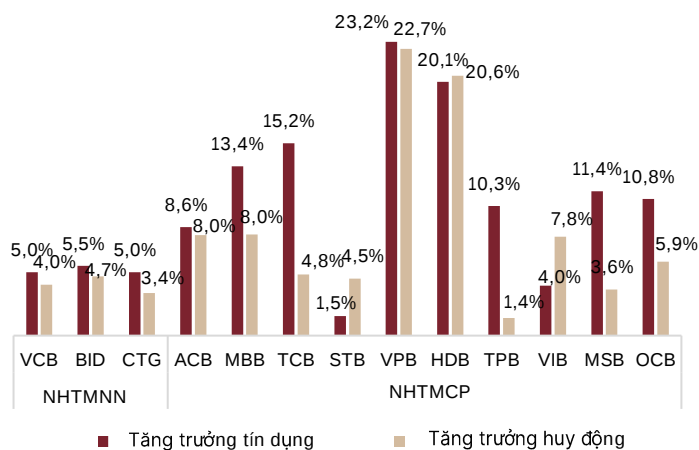
Tuy nhiên, cơ chế định giá hiện nay có thể làm gia tăng áp lực trả nợ đối với khách hàng trong các quý tới. Nếu xu hướng này kéo dài, chất lượng tài sản có thể sẽ dần suy yếu, thể hiện qua việc nợ xấu hình thành mới và chi phí tín dụng gia tăng.

Thu nhập ngoài lãi phục hồi mạnh, nhưng tập trung ở một số ít ngân hàng. Thu nhập từ phí tăng mạnh trong Q2/2026, đạt 22,5 nghìn tỷ đồng, tăng 54,3% svck và 27,9% so với quý trước. Tuy nhiên, mức tăng trưởng không diễn ra đồng đều mà tập trung ở một số ngân hàng nhất định. Đáng chú ý là STB khi thu nhập từ phí tăng hơn 4 lần so với quý trước (+248% svck), dự kiến nhờ ghi nhận một nguồn thu phí mới từ cho vay hệ sinh thái như phí từ thư tín dụng, thu hộ chi hộ và quản lý dòng tiền. Trong khi đó, VIB (+168% svck), VPB (+160% svck), TCB (+74% svck), CTG (+58% svck) và ACB (+41% svck) cũng tăng trưởng mạnh, được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố như phí liên quan đến thư tín dụng (L/C), các dịch vụ tài chính bao gồm bảo lãnh phát hành và phân phối trái phiếu, bancassurance và phí thẻ.

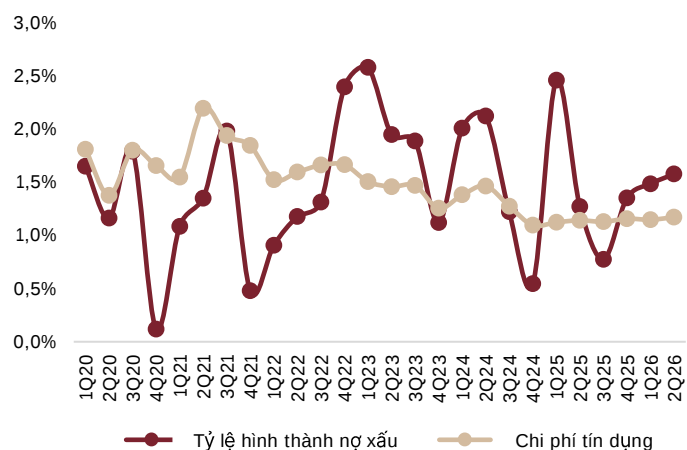
Mặt khác, thu nhập kinh doanh ngoại hối giảm 21,7% so với quý trước và 46,6% svck do tỷ giá tương đối ổn định trong 6T2026. VCB là trường hợp ngoại lệ khi thu nhập ngoại hối vẫn tăng 32% svck. Trong khi đó, VIB và VPB ghi nhận lỗ kinh doanh ngoại hối lần lượt 423 tỷ đồng và 847 tỷ đồng trong Q2/2026, chủ yếu do các giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các khoản vay nước ngoài. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chứng khoán phục hồi mạnh so với quý trước nhờ mức nền thấp, nhưng vẫn giảm 68,5% svck. Thu nhập từ các khoản nợ đã xử lý rủi ro nhìn chung đi ngang svck nhưng tăng 25% so với quý trước. HDB nổi bật khi ghi nhận gần 1 nghìn tỷ đồng lợi nhuận từ các khoản góp vốn vào công ty con.

PHỤ LỤC

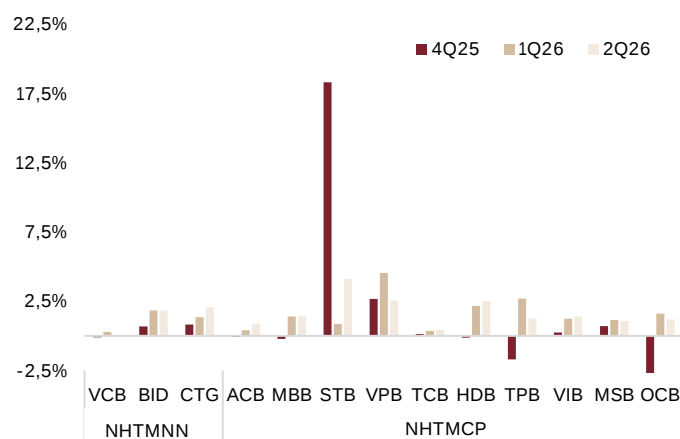
Biểu đồ 1: Tăng trưởng tín dụng và huy động trong Q4/2025 (tính từ đầu năm)



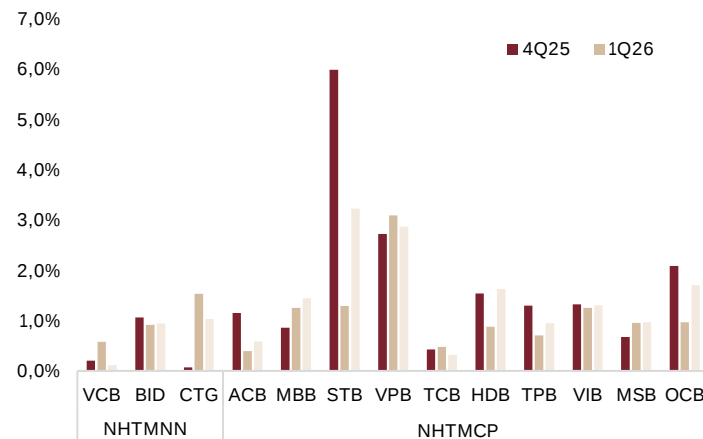
Biểu đồ 2: Tỷ lệ hình thành nợ xấu và chi phí tín dụng theo quý



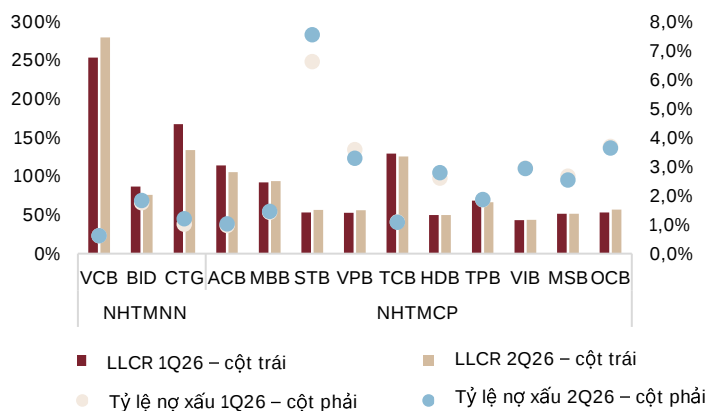
Biểu đồ 3: Tỷ lệ hình thành nợ xấu của các ngân hàng



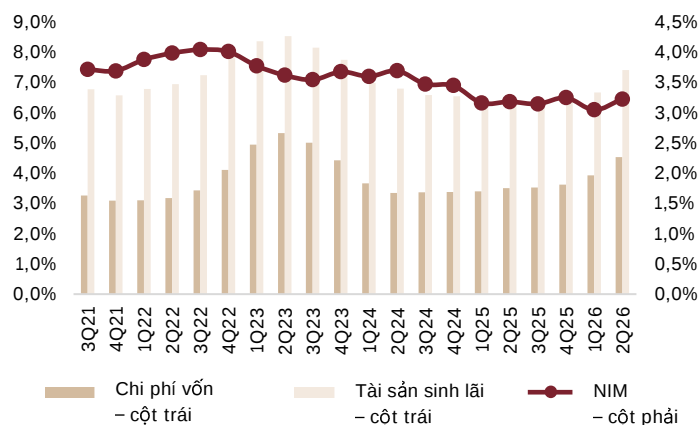
Biểu đồ 4: Chi phí tín dụng của các ngân hàng



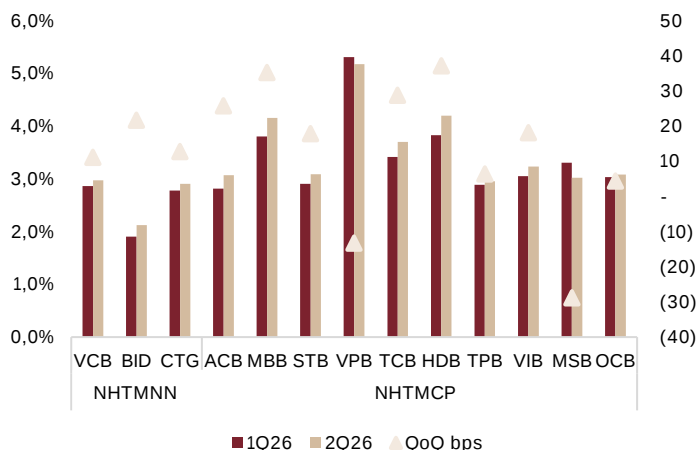
Biểu đồ 5: Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu (LLCR)



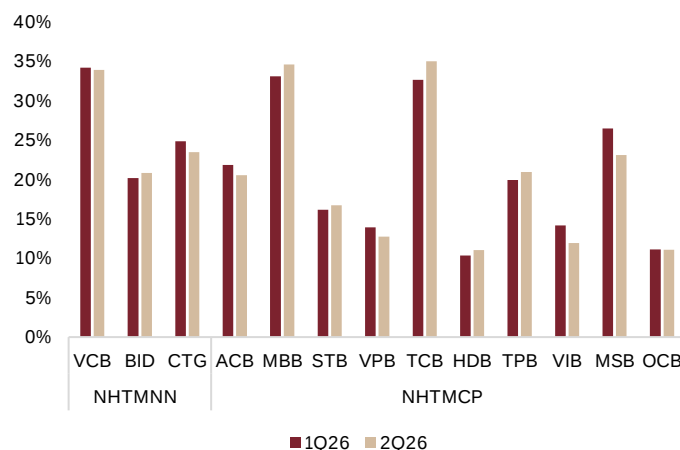
Biểu đồ 6: NIM, chi phí vốn và tài sản sinh lãi theo quý



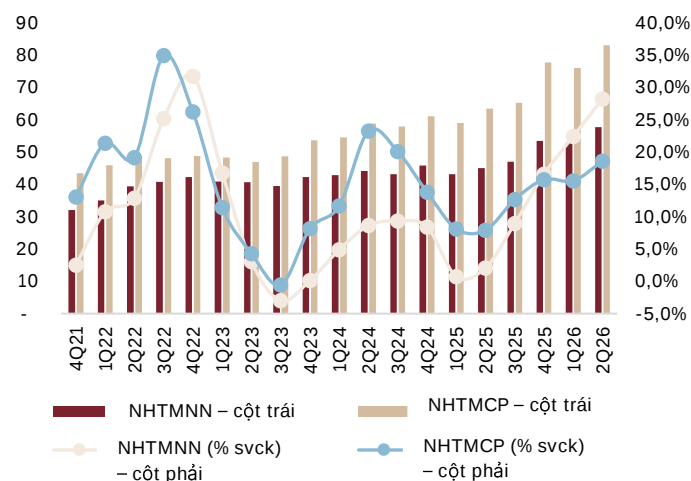
Biểu đồ 7: NIM của các ngân hàng



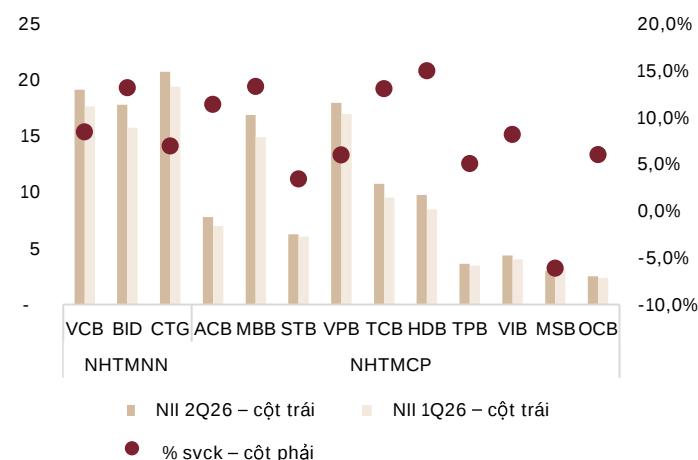
Biểu đồ 8: CASA của các ngân hàng



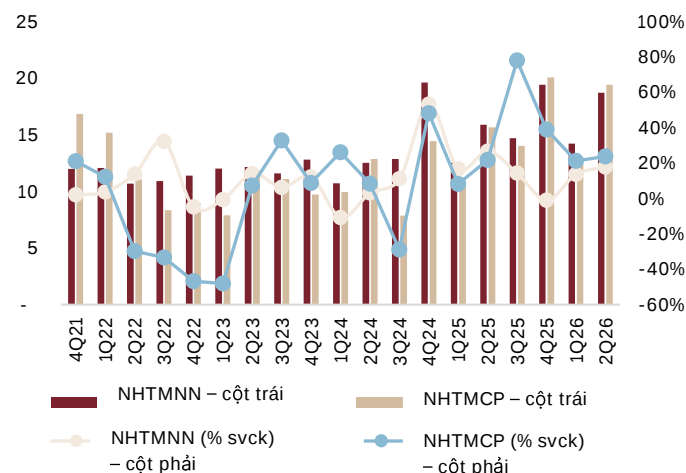
Biểu đồ 9: NII theo quý (nghìn tỷ đồng)



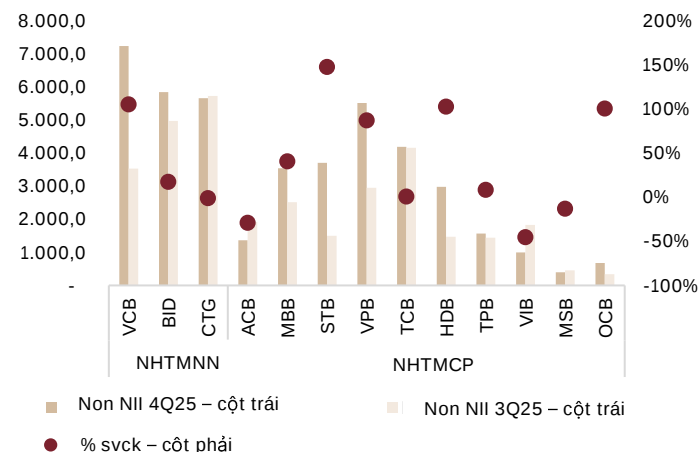
Biểu đồ 10: Tăng trưởng NII của các ngân hàng



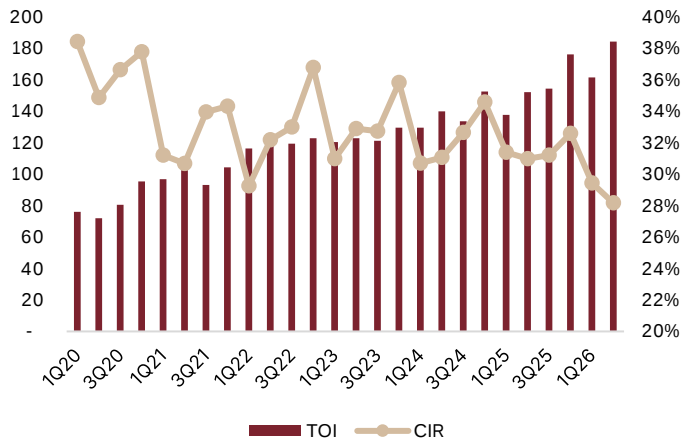
Biểu đồ 11: Thu nhập ròng ngoài lãi theo quý (nghìn tỷ đồng)



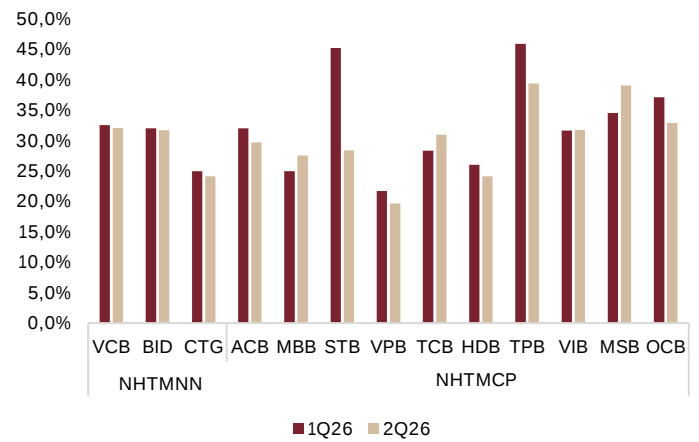
Biểu đồ 12: Tăng trưởng thu nhập ròng ngoài lãi (nghìn tỷ đồng)



Biểu đồ 13: CIR theo quý



Biểu đồ 14: CIR của các ngân hàng



Nguồn: Các ngân hàng, SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Ngân hàng

Nguyễn Thu Hà

Giám đốc phân tích cổ phiếu

hant4@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Trương Minh Phương Duy

Chuyên viên phân tích cao cấp

duytmp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321